

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 03 /2023/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 17 tháng 01 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số nội dung chi, mức chi
hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 9 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe
ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và
biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;

Thực hiện Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Bộ
Y tế về rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số
giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, cơ quan Trung
ương, địa phương;

Thực hiện Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08 tháng 8 năm 2022 của
Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc Chương trình
mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên;

Xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 02/BC-HĐND-VHXXH ngày 10 tháng 01 năm
2023 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung chi,
mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.



Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) thông qua ngày 17 tháng 01 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Y tế;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *Phan*



Huỳnh Thị Hằng





QUY ĐỊNH

**Một số nội dung chi, mức chi
hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
(Kèm theo Nghị quyết số 03 /2023/NQ-HĐND ngày 17 / 01 / 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách nhà nước (nguồn kinh phí địa phương) triển khai thực hiện công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung và mức chi chung

1. Hỗ trợ người thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh, hỗ trợ tư vấn về an toàn thực phẩm, hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung phòng, điều trị, chăm sóc cho người bệnh.

a) Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung

- Chi hỗ trợ cho người thực hiện tư vấn: mức chi thực hiện theo khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Tiền nước uống cho người tham dự hội nghị: mức chi thực hiện theo khoản 3 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phong bật (nếu có): mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn).

b) Trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: hỗ trợ người thực hiện tư vấn: Mức chi 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng, số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số quyết định;

c) Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng: ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, được hỗ trợ theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng.

2. Hỗ trợ khám sàng lọc, phát hiện, quản lý sàng lọc, tham gia chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng; khám bệnh, chữa bệnh kết hợp quân dân y

a) Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có): mức chi thực hiện áp dụng theo phụ lục III và IV Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

b) Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành: mức chi hỗ trợ cho người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu trong các đợt khám sàng lọc: 7.000 đồng/mẫu; người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): 125.000 đồng/người/ngày;

c) Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn, 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại.

3. Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phong, bật (nếu có), thanh toán tiền nhiên liệu, điện, nước, vật tư y tế phục vụ công tác khám sàng lọc: mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp và dự toán được duyệt.

4. Hỗ trợ thuê ngoài: rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê, thuê người dẫn đường không phải phiên dịch: 280.000 đồng/người/ngày.

5. Hỗ trợ giám sát dịch tễ học, giám sát đánh giá hiệu quả chiến dịch, hiệu quả xử lý ổ dịch, giám sát côn trùng thường xuyên, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi quản lý: cán bộ y tế, dân số tham gia giám sát được hỗ trợ mức 50.000 đồng/người/ngày ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống phong

1. Chi mua các vật dụng đặc thù và gia công sản xuất giày dép chuyên biệt cho bệnh nhân phong, pha chế thuốc bôi ngoài da phục vụ khám phát hiện bệnh phong, mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đầu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6 đến 9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều;

b) Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12 đến 18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

3. Bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo được hỗ trợ

a) Trường hợp bệnh nhân nạo vét lỗ đào điều trị tại trạm y tế xã, cơ sở y tế khu vực được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày;

b) Trường hợp bệnh nhân phong bị cơn phản ứng phong nặng hoặc tai biến điều trị được hỗ trợ tiền thuê phương tiện vận chuyển từ nhà đến trạm y tế xã, khu điều trị phong hoặc bệnh viện đa khoa khu vực, mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

4. Chi thù lao cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán: bệnh nhân ở xã đặc biệt khó khăn: 300.000 đồng/bệnh nhân; bệnh nhân ở các xã còn lại 200.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 6. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống lao

1. Chi mua thuốc điều trị cho bệnh nhân lao (khi có quy định của Bộ Tài chính về thanh toán thuốc chống lao từ Quỹ bảo hiểm y tế cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế thì ngân sách nhà nước chỉ đảm bảo cho các đối tượng chưa được thanh toán thuốc chống lao từ Quỹ bảo hiểm y tế), mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đầu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng: mức hỗ trợ 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB.

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 50.000 đồng/xã/tháng;

b) Đối với các xã còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng.

4. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: mức chi 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6 đến 8 tháng, 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị, 200.000

đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

b) Đối với các xã còn lại: mức chi 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6 đến 8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

Điều 7. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống sốt rét

1. Chi mua thuốc, hóa chất, bình phun hóa chất, vật tư phòng, chống sốt rét, mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ thực hiện xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ tiền công tác phí cho cán bộ làm công tác xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu xét nghiệm): 100.000 đồng/người/ngày.

4. Chi hỗ trợ cho cán bộ thực hiện xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

5. Chi hỗ trợ người thực hiện xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

6. Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

7. Chi hỗ trợ người làm môi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm, tối đa không quá 4 ngày 3 đêm/tuần/tháng.

8. Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, công phun: 08 hộ/người/ngày, công tẩm: 30 m²/người/ngày.

Điều 8. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

1. Chi mua hóa chất, máy phun hóa chất, trang thiết bị, vật tư phòng, chống sốt xuất huyết, mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, địa điểm và số lần thực hiện theo kế hoạch đơn vị xây dựng và theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế và các quy định về đấu thầu mua sắm vật tư, hóa chất, trang thiết bị theo quy định.

2. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu;

b) Chi hỗ trợ tiền công tác phí cho cán bộ phối hợp làm công tác xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ

khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu xét nghiệm) 100.000 đồng/người/ngày;

c) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ tiền công tác phí cho cán bộ làm công tác xét nghiệm phân lập vi rút để xác định týp nhiễm bệnh sốt xuất huyết trên địa bàn để triển khai các biện pháp phòng, chống phù hợp theo quy định hiện hành, mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

4. Chi hỗ trợ người thực hiện xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

5. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút: 40.000 đồng/mẫu.

6. Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: mức hỗ trợ 250.000 đồng/người/ngày.

7. Chi hỗ trợ người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức chi hỗ trợ một ngày tối đa không quá 167.000 đồng/người/ngày, địa điểm và số lần thực hiện tùy vào tình hình thực tế, đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 9. Nội dung và mức chi hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

1. Chi mua thuốc điều trị cho bệnh tâm thần: mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đầu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã/tháng.

Điều 10. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư, tim mạch và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi: 5.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt: 2.000 đồng/mẫu.

4. Chi hỗ trợ khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát 10.000 đồng/người được khám.

5. Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

Điều 11. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế tại hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

Điều 12. Nội dung và mức chi hoạt động tiêm chủng mở rộng

1. Chi mua bơm kim tiêm, hộp an toàn, vật tư cho tiêm chủng mở rộng: mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu (trong trường hợp Trung ương không cấp cho địa phương để triển khai tiêm chủng).

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của chương trình

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 24.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin);

b) Đối với các xã còn lại: 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin).

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm);

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

4. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều;

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

5. Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 520.000 đồng/ca bệnh;

b) Đối với các xã còn lại: 400.000 đồng/ca bệnh.

6. Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 300.000 đồng/ca bệnh;

b) Đối với các xã còn lại: 150.000 đồng/ca bệnh.

Điều 13. Nội dung và mức chi hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

1. Chi thực hiện dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế đối với đối tượng tự nguyện triệt sản và người được cấp miễn phí phương tiện tránh thai

a) Chi thực hiện dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế: mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám, chữa bệnh công lập hiện hành;

b) Chi hỗ trợ tiêm thuốc tránh thai: theo giá dịch vụ tiêm hiện hành đối với cơ sở y tế công lập.

2. Chi hỗ trợ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại vùng đặc biệt khó khăn và chưa có thẻ bảo hiểm y tế

a) Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: mức chi theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh hiện hành (chi phí này đã bao gồm lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh);

b) Chi gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có);

c) Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của thủ trưởng cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định chi phí đi lại tại các văn bản hiện hành.

3. Chi khám sức khỏe tiền hôn nhân theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định

Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng đặc biệt khó khăn: mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám, chữa bệnh công lập hiện hành.

4. Chi cập nhật thông tin về dân số - kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu thập của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

Điều 14. Nội dung và mức chi hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật thuộc hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi (sau đây gọi chung là người khuyết tật) tham gia mô hình phục hồi chức năng

1. Chi phẫu thuật - chỉnh hình (nếu có) trong trường hợp người khuyết tật không được Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán: theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám, chữa bệnh công lập.



2. Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình (nếu có): tối đa không quá 650.000 đồng/bệnh nhân.

3. Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật tối đa không quá 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 15. Nội dung và mức chi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

1. Chi phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi.

2. Chi triển khai mô hình điểm về chăm sóc sức khỏe dài hạn, mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập trung người cao tuổi theo phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Y tế, nội dung và mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Điều 16. Nội dung và mức chi hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

1. Chi mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng: đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống), đối với xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

Điều 17. Nội dung và mức chi hoạt động an toàn thực phẩm

1. Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

a) Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm;

b) Chi hỗ trợ người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này), mức hỗ trợ: tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: mức chi 130.000 đồng/người/ngày, tại các khu vực, địa điểm khác: 100.000 đồng/người/ngày.

2. Chi xây dựng mô hình điểm về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố, bếp ăn tập thể tại địa phương: thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp tỉnh tại địa phương quyết định, nội dung và mức chi

a) Chi xây dựng đề cương: 1.000.000 đồng/đề cương;

b) Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm đánh giá thử để thẩm tra, giám sát hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình): mức chi theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

c) Các nội dung khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền: mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Lấy mẫu, mua mẫu, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, kiểm tra, hậu kiểm tăng cường các trường hợp có dấu hiệu vi phạm (khi có cảnh báo, sự cố về an toàn thực phẩm, hoặc nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm), thực hiện giám sát mối nguy về an toàn thực phẩm do cấp có thẩm quyền chỉ định: mức chi lấy mẫu, mua mẫu thực phẩm theo quy định hiện hành, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

Chi mua mẫu, phân tích, đánh giá về an toàn thực phẩm theo quy định, mua trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ, hóa chất phục vụ hoạt động chuyên môn, hỗ trợ kinh phí kiểm tra thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm, mua mẫu kiểm nghiệm phục vụ kiểm tra, hậu kiểm bảo đảm an toàn thực phẩm: mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá, quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí): mức chi theo hợp đồng thực tế với đơn vị sản xuất (Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước).

5. Chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip)) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm, mức chi như sau

a) Trường hợp đã có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì áp dụng định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Trường hợp chưa có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, ưu tiên truyền thông qua đài phát thanh xã, phường, thị trấn, việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

6. Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí; Công/Trang thông tin điện tử; Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện; Bản tin của các cơ quan, đơn vị; chi mua, sản xuất, nhân

bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác: mức chi theo các văn bản hiện hành.

Điều 18. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

1. Chi mua thuốc kháng vi rút HIV (ARV) cho các đối tượng chưa được thanh toán thuốc kháng vi rút HIV từ Quỹ bảo hiểm y tế, thuốc nhiễm trùng cơ hội, sinh phẩm xét nghiệm HIV, thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, bơm kim tiêm, bao cao su và các vật dụng khác cho phòng, chống HIV/AIDS. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đầu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế làm công tác tư vấn cho đối tượng nguy cơ cao lây truyền HIV/AIDS, điều trị methadone: 500.000 đồng/người/tháng.

3. Chi hỗ trợ cho cộng tác viên làm nhiệm vụ tại các xã, phường, thị trấn có người nhiễm HIV/AIDS 200.000 đồng/xã/tháng.

4. Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng mức hỗ trợ này và ngược lại.

Điều 19. Nội dung và mức chi lồng ghép giảng dạy các kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của hoạt động y tế trường học

1. Chi hỗ trợ cho báo cáo viên triển khai các chuyên đề về y tế học đường: mức chi thực hiện theo khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Các khoản chi liên quan đến hỗ trợ công tác phí cho báo cáo viên: mức chi thực hiện theo khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 20. Nội dung và mức chi hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp của hoạt động Quân dân y kết hợp

1. Bồi dưỡng diễn tập: 200.000 đồng/người/ngày.

2. Chi xây dựng kịch bản, văn kiện diễn tập, trang phục cá nhân, thuê mướn trang thiết bị y tế, phương tiện và các chi phí khác phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập (nếu có)

a) Chi xây dựng kịch bản, văn kiện diễn tập theo hợp đồng, do Thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được duyệt;

b) Chi trang phục cá nhân, thuê trang thiết bị, phương tiện và các chi phí khác phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 21. Nội dung và mức chi hoạt động truyền thông y tế

1. Chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí; Cổng/Trang thông tin điện tử; Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện; Bản tin của các cơ quan, đơn vị; chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác; chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị trên địa bàn tỉnh:

a) Chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí; Cổng/Trang thông tin điện tử; Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện; Bản tin của các cơ quan, đơn vị; chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác: mức chi thực hiện theo quy định tại các văn bản hiện hành;

b) Chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị trên địa bàn tỉnh: mức chi thực hiện theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chính sách, pháp luật, kiến thức liên quan đến các chương trình

a) Chi đăng báo và thông tin trên các phương tiện truyền thông để phát động và thông báo thể lệ cuộc thi: thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được giao;

b) Các khoản chi khác (nếu có) như: xây dựng kịch bản; thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi; thuê dẫn chương trình; chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức; chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể, bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình (MC); văn phòng phẩm; hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho người dự thi ở xa nơi tổ chức: theo quy định hiện hành./.

PHÒNG QUẢN LÝ VĂN PHÒNG